ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH THI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 - 2022

Đợt CQ-02: Dành cho sinh viên năm thứ 3

Ngày thi	Thời gian thi	Mã HP	Tên HP	Số TC	HTT	SL P.thi	Phòng thi	Số lượng SV	PCCB Coi thi: SL	Đơn vị TC thi	Ghi chú
01/12/2021	07h30	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	Vấn đáp-Viết	2	A6.A.206(22), A6.A.302(22)	44	Ngoại ngữ:04	Ngoại ngữ	196702A
01/12/2021	13h30	177073	Điều khiển số	3	Viết	1	A3.101(13)	13	KTCN:01 NLNN:01	KTCN	196203A
01/12/2021	13h30	158029	Thủy văn công trình	2	Viết	1	A3.101(13)	13			196107A
01/12/2021	13h30	174045	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	TH phòng máy	2	A3.207(23), A3.107(24)	47	CNTT&TT:04	CNTT&TT	196103A; 196103B
01/12/2021	13h30	125030	Du lịch sinh thái	2	Viết	1	A5.A.101(14)	14	KHXH:01 NLNN:01	KHXH	196908A
01/12/2021	13h30	181160	Tâm lý lao động	2	Viết	1	A6.A.207(20)	20	TLGD:01 KTCN:01	TLGD	196302A
01/12/2021	13h30	197025	Luật thương mại 2	3	Vấn đáp	1	A6.A.302(16)	16	LLCT-L:02	LLCT-L	196801A
01/12/2021	07h30	156012	PP NCKH chuyên ngành kinh tế	2	Trắc nghiệm	2	A6.B.401(30), A6.B.402(30)	60	KTCN:02 NLNN:02	ĐBCL&KT	196402A; 196403A; 196406A
01/12/2021	08h30	156012	PP NCKH chuyên ngành kinh tế	2	Trắc nghiệm	2	A6.B.401(30), A6.B.402(30)	60			196402A; 196403A; 196406A
01/12/2021	13h30	156012	PP NCKH chuyên ngành kinh tế	2	Trắc nghiệm	2	A6.B.402(30), A6.B.401(30)	60	KTCN:02 NLNN:02		196402A; 196403A; 196406A
01/12/2021	14h30	156012	PP NCKH chuyên ngành kinh tế	2	Trắc nghiệm	2	A6.B.402(30), A6.B.401(30)	60			196402A; 196403A; 196406A

Ngày thi	Thời gian thi	Mã HP	Tên HP	Số TC	HTT	SL P.thi	Phòng thi	Số lượng SV	PCCB Coi thi: SL	Đơn vị TC thi	Ghi chú
03/12/2021	13h30	164060	Công nghệ sinh sản và TTNT gia súc	2	Viết	1	A1.101(18)	18	KTCN:01 NLNN:01	NLNN	196302A
03/12/2021	13h30	152007	Quản trị tài chính doanh nghiệp 1	3	Viết	6	A2.201(27), A2.202(27), A2.101(27), A2.108(27), A2.107(27), A2.102(27)	162	KT-QTKD:04 NLNN:04 KTCN:02 KHTN:02	KT-QTKD	196401B
03/12/2021	13h30	151030	Kinh tế môi trường	2	Viết	1	A2.208.A(28)	28	KT-QTKD:01 NLNN:01	KT-QTKD	196402B
03/12/2021	13h30	254031	Quản lý chất lượng	2	Viết	1	A2.208.B(17)	17	KT-QTKD:01 KTCN:01	KT-QTKD	196403A
03/12/2021	13h30	177058	Robot công nghiệp	3	Viết	1	A3.101(13)	13	KTCN:01 KHTN:01	KTCN	196203A
03/12/2021	13h30	127058	Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch	3	Viết	1	A5.A.101(14)	14	NLNN:01 KHXH:01	KHXH	196908A
03/12/2021	13h30	197021	Luật dân sự 2	3	Vấn đáp	1	A6.A.302(15)	15	LLCT-L:02	LLCT-L	196801A
03/12/2021	13h30	172050	Mạng máy tính	3	Trắc nghiệm	1	A6.B.401(44)	44	NLNN:01 KTCN:01	ĐBCL&KT	196103A; 196103B
06/12/2021	13h30	164005	Bệnh Ký sinh trùng	2	Viết	1	A1.101(17)	17	NLNN:01 KTCN:01	NLNN	196302A

Ngày thi	Thời gian thi	Mã HP	Tên HP	Số TC	HTT	SL P.thi	Phòng thi	Số lượng SV	PCCB Coi thi: SL	Đơn vị TC thi	Ghi chú
06/12/2021	13h30	154081	Quản trị doanh nghiệp 1	2	Viết	6	A2.108(27), A2.107(27), A2.101(27), A2.102(27), A2.201(27), A2.202(26)	161	KT-QTKD:04 NLNN:04 KTCN:02 KHTN:02	KT-QTKD	196401A
06/12/2021	13h30	151096	Logistics và vận tải quốc tế	2	Viết	1	A2.208.A(26)	26	KT-QTKD:01 KTCN:01	KT-QTKD	196402B
06/12/2021	13h30	174120	Phân tích thiết kế HTTT	3	Vấn đáp	2	A3.101(22), A3.102(22)	44	CNTT&TT:04	CNTT&TT	196103A; 196103B
06/12/2021	13h30	177072	Điều khiển hệ điện cơ	3	Viết	1	A3.103(12)	12	KTCN:01 NLNN:01	KTCN	196203A
06/12/2021	13h30	158007	Đánh giá tác động môi trường	2	Viết	1	A3.103(9)	9			196107A
06/12/2021	13h30	127050	Tiếng Anh du lịch 2	3	Viết	1	A5.A.101(13)	13	KHTN:01 KHXH:01	KHXH	196908A
06/12/2021	13h30	133011	Ngoại ngữ II-2: Tiếng Trung Quốc	3	Viết	2	A6.A.206(21), A6.A.201(21)	42	NLNN:02 KTCN:02	Ngoại ngữ	196702A
06/12/2021	13h30	197026	Luật lao động	3	Vấn đáp	1	A6.A.207(15)	15	LLCT-L:02	LLCT-L	196801A
06/12/2021	13h30	151040	Kinh tế quốc tế	2	Trắc nghiệm	1	A6.B.401(46)	46	NLNN:01 KTCN:01	ĐBCL&KT	196402A; 196406A
08/12/2021	13h30	164080	Dược lý thú y	2	Viết	1	A1.101(17)	17	NLNN:01 KTCN:01	NLNN	196302A

Ngày thi	Thời gian thi	Mã HP	Tên HP	Số TC	HTT	SL P.thi	Phòng thi	Số lượng SV	PCCB Coi thi: SL	Đơn vị TC thi	Ghi chú
08/12/2021	13h30	153086	Kế toán quản trị 2	2	Viết	5	A2.102(29), A2.107(29), A2.108(29), A2.101(30), A2.201(29)	146	KT-QTKD:04 NLNN:04 KTCN:02	KT-QTKD	196401B
08/12/2021	13h30	151098	Giao tiếp trong kinh doanh	2	Viết	3	A2.202(22), A2.208.B(21), A2.208.A(21)	64	KT-QTKD:03 NLNN:03	KT-QTKD	196402B
08/12/2021	13h30	158030	Kết cấu bê tông cốt thép	3	Viết	1	A3.101(8)	8	NLNN:01 KTCN:01	KTCN	196107A
08/12/2021	13h30	127039	Tổ chức hướng dẫn du lịch	4	Thực hành	1	A5.A.101(13)	13	KHXH:02	KHXH	196908A
08/12/2021	13h30	173089	Chương trình dịch	2	Viết	2	A6.A.206(21), A6.A.201(22)	43	KTCN:02 NLNN:02	Ngoại ngữ	196103A; 196103B
08/12/2021	13h30	199004	Luật ngân hàng	2	Viết	1	A6.A.303(13)	13	LLCT-L:01 TLGD:01	LLCT-L	196801A
08/12/2021	13h30	131090	Văn hóa Anh - Mỹ	2	Viết	2	A6.A.207(21), A6.A.302(21),	42	NLNN:02 KHXH:02	Ngoại ngữ	196702A
10/12/2021	13h30	151090	Lý thuyết mô hình toán kinh tế	3	Viết	1	A1.101(16)	16	KT-QTKD:01 NLNN:01	KT-QTKD	196403A
10/12/2021	13h30	153097	Kế toán tài chính Nhà nước 1	2	Viết	5	A2.101(29), A2.107(29), A2.108(29), A2.102(29), A2.201(29)	145	KT-QTKD:04 NLNN:04 KHTN:02	KT-QTKD	196401B

Ngày thi	Thời gian thi	Mã HP	Tên HP	Số TC	HTT	SL P.thi	Phòng thi	Số lượng SV	PCCB Coi thi: SL	Đơn vị TC thi	Ghi chú
10/12/2021	13h30	154082	Quản trị doanh nghiệp 2	2	Viết	3	A2.202(21), A2.208.B(21), A2.208.A(21)	63	KT-QTKD:03 NLNN:03	KT-QTKD	196402B
10/12/2021	13h30	173095	Trí tuệ nhân tạo	3	Viết	2	A3.101(22), A3.102(21)	43	CNTT&TT:02 KTCN:02	CNTT&TT	196103A; 196103B
10/12/2021	13h30	158070	Kết cấu thép	4	Viết	1	A3.102(7)	7			196107A
10/12/2021	13h30	164126	Tiếng anh chuyên ngành chăn nuôi	2	Viết	1	A1.105(17)	17	NLNN:01 KTCN:01	NLNN	196302A
10/12/2021	13h30	233056	Kỹ năng thuyết trình	2	Vấn đáp	2	A6.A.201(20), A6.A.206(20)	40	Ngoại ngữ:04	Ngoại ngữ	196702A
10/12/2021	13h30	199013	Luật tố tụng dân sự	2	Viết	1	A6.A.302(13)	13	LLCT-L:01 TLGD:01	LLCT-L	196801A
13/12/2021	13h30	164035	Chăn nuôi lợn	3	Viết	1	A1.101(16)	16	NLNN:01 KTCN:01	NLNN	196302A
13/12/2021	13h30	153085	Kế toán tài chính 1	4	Viết	4	A2.107(18), A2.201(18), A2.202(18), A2.102(18)	72	KT-QTKD:04 NLNN:04	KT-QTKD	196402B
13/12/2021	13h30	152100	Tài chính công	3	Viết	1	A2.101(19)	19	KT-QTKD:01 NLNN:01	KT-QTKD	196403A
13/12/2021	13h30	173073	Xử lý ảnh	3	Viết	2	A3.102(21), A3.101(22)	43	CNTT&TT:02 KTCN:02	CNTT&TT	196103A; 196103B
13/12/2021	13h30	158085	Trắc địa	2	Viết	1	A3.102(7)	7			196107A
13/12/2021	13h30	197044	Luật chứng khoán	2	Viết	1	A6.A.201(12)	12	LLCT-L:01 TLGD:01	LLCT-L	196801A
13/12/2021	13h30	154030	Marketing căn bản	2	Trắc nghiệm	2	A6.B.401(35), A6.B.402(35)	140	NLNN:02 KTCN:02	ĐBCL&KT	196401B
13/12/2021	14h30	154030	Marketing căn bản	2	Trắc nghiệm	2	A6.B.401(35), A6.B.402(35)				196401B

Ngày thi	Thời gian thi	Mã HP	Tên HP	Số TC	HTT	SL P.thi	Phòng thi	Số lượng SV	PCCB Coi thi: SL	Đơn vị TC thi	Ghi chú
15/12/2021	13h30	164054	Thức ăn chăn nuôi	3	Viết	1	A1.103(16)	16	NLNN:01 KTCN:01	NLNN	196302A
15/12/2021	13h30	152055	Thuế	2	Viết	4	A2.101(26), A2.107(26), A2.108(25), A2.102(26)	103	KT-QTKD:04 NLNN:02 KTCN:02	KT-QTKD	196C70A; 196401A
15/12/2021	13h30	251051	Lập và phân tích dự án đầu tư	2	Viết	3	A2.208.A(20), A2.201(21), A2.202(21)	62	KT-QTKD:03 NLNN:03	KT-QTKD	196402B
15/12/2021	13h30	151093	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	Viết	1	A2.208.A(6)	6			196406A
15/12/2021	13h30	158107	ứng dụng tin học trong phân tích kết cấu	2	TH phòng máy	1	A3.101(7)	7	KTCN:02	KTCN	196107A
15/12/2021	13h30	197033	Luật sư, công chứng, hộ tịch	2	Viết	1	A6.A.201(12)	12	LLCT-L:01 KHTN:01	LLCT-L	196801A
22/12/2021	13h30	151065	Kinh tế đầu tư	2	Viết	1	A2.101(11)	11	KT-QTKD:01 NLNN:01	KT-QTKD	196406A
24/12/2021	07h30	181170	TH CT.Đội và TCHĐ ngoài giờ lên lớp	2	Thực hành	1	A6.A.201(28)	28	TLGD:02	TLGD	196900A
24/12/2021	08h30	181170	TH CT.Đội và TCHĐ ngoài giờ lên lớp	2	Thực hành	1	A6.A.201(28)	28			196900A
24/12/2021	13h30	191036	Bóng chuyền	3	Thực hành	1	1.SB2(11)	11	GDTC:02	GDTC	196902A
24/12/2021	13h30	124106	Lý luận dạy học môn Lịch sử	4	Viết	1	A5.A.105(24)	24	KHXH:01 KHTN:01	KHXH	196602CLC
24/12/2021	13h30	112040	Hình sơ cấp	2	Viết	1	A5.A.106(14)	14	KHXH:01 KHTN:01	KHTN	196101A

Ngày thi	Thời gian thi	Mã HP	Tên HP	Số TC	HTT	SL P.thi	Phòng thi	Số lượng SV	PCCB Coi thi: SL	Đơn vị TC thi	Ghi chú
24/12/2021	13h30	123038	Phương pháp phát triển năng lực Ngữ văn của học sinh	2	Viết	1	A5.A.201(10)	10	KHXH:01 KHTN:01	KHXH	196601A
24/12/2021	13h30	181170	TH CT.Đội và TCHĐ ngoài giờ lên lớp	2	Thực hành	1	A6.A.201(28)	28	TLGD:02	TLGD	196900A
24/12/2021	14h30	181170	TH CT.Đội và TCHĐ ngoài giờ lên lớp	2	Thực hành	1	A6.A.201(27)	27			196900A
24/12/2021	13h30	132002	Lý luận dạy Tiếng Anh	2	Viết	3	A6.A.302(25), A6.A.303(24), A6.A.305(23)	72	NLNN:03 KTCN:03	Ngoại ngữ	196701A
27/12/2021	13h30	192004	Cầu lông chuyên sâu	3	Thực hành	1	1.SB1(10)	10	GDTC:02	GDTC	196902A
27/12/2021	13h30	112030	Hình học xạ ảnh	2	Viết	1	A5.A.102(21)	21	KHXH:01 KHTN:01	KHTN	196101A; 196101CLC
27/12/2021	13h30	182006	Giáo dục học tiểu học	4	Viết	4	A6.A.206(28), A6.A.201(28), A6.A.207(27), A6.A.301(27)	110	TLGD:04 NLNN:04	TLGD	196900A
27/12/2021	13h30	124105	Khái lược văn hóa Đông Nam á	2	Trắc nghiệm	1	A6.B.401(23)	23	KTCN:01 NLNN:01	ĐBCL&KT	196602CLC
27/12/2021	13h30	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	Vấn đáp-Viết	3	A6.A.303(18), A6.A.302(19), A6.A.305(33)	70	Ngoại ngữ:06	Ngoại ngữ	196701A 196701B
04/01/2022	07h30	142025	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học	4	Vấn đáp	2	A4.A.101(28), A4.A.104(28)	56	GDTH:04	GDTH	196900A
04/01/2022	13h30	192058	Sinh lý TDTT	2	Viết	1	1.ĐN.2(13)	13	GDTC:02	GDTC	196902A
04/01/2022	13h30	142025	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học	4	Vấn đáp	2	A4.A.101(28), A4.A.104(27)	55	GDTH:04	GDTH	196900A

Ngày thi	Thời gian thi	Mã HP	Tên HP	Số TC	HTT	SL P.thi	Phòng thi	Số lượng SV	PCCB Coi thi: SL	Đơn vị TC thi	Ghi chú
04/01/2022	13h30	123095	Ngữ pháp học tiếng Việt	3	Viết	1	A5.A.1045(11)	11	KHTN:01 KHXH:01	KHXH	196601A
04/01/2022	13h30	124170	Lịch sử thế giới cận đại	4	Vấn đáp	1	A5.A.101(24)	24	KHXH:02	KHXH	196602CLC
04/01/2022	13h30	111125	Phương trình vi phân	2	Viết	1	A5.A.102(15)	15	KHTN:01 KHXH:01	KHTN	196101A
04/01/2022	13h30	111126	Phương trình vi phân (CLC_TA)	2	Viết	1	A5.A.102(6)	6			196101CLC
04/01/2022	13h30	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp	3	Trắc nghiệm	2	A6.B.402(38), A6.B.401(39)	77	KTCN:02 NLNN:02	ĐBCL&KT	196C75A; 196701B
05/01/2022	13h30	291003	Đá cầu	2	Thực hành	1	1.SB2(9)	9	GDTC:02	GDTC	196902A
05/01/2022	13h30	141000	Hình cao cấp	2	Viết	4	A5.A.104(27), A5.A.101(28), A5.A.102(27), A5.A.105(27)	109	KHTN:04 NLNN:04	KHTN	196900A
05/01/2022	13h30	124255	Phương pháp NCKH	2	Viết	1	A5.A.106(23)	23	NLNN:01 KHXH:01	KHXH	196602CLC
05/01/2022	13h30	113005	Số học	3	Viết	1	A5.A.202(22)	22	KHTN:01 KHXH:01	KHTN	196101A; 196101CLC
05/01/2022	13h30	132011	Biên dịch 1	2	Viết	6	A6.A.206(21), A6.A.201(22) A6.A.207(18) A6.A.302(20), A6.A.301(21) A6.A.303(18)	120	NLNN:04 KTCN:04 KHTN:02 KHXH:02	Ngoại ngữ	196702A
07/01/2022	13h30	191064	Đẩy tạ	2	Thực hành	1	1.SB2(9)	9	GDTC:02	GDTC	196902A

Ngày thi	Thời gian thi	Mã HP	Tên HP	Số TC	HTT	SL P.thi	Phòng thi	Số lượng SV	PCCB Coi thi: SL	Đơn vị TC thi	Ghi chú
07/01/2022	13h30	111069	Độ đo và tích phân	2	Viết	1	A5.A.101(21)	21	KHTN:01 KHXH:01	KHTN	196101A; 196101CLC
07/01/2022	13h30	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5	3	Viết	6	A6.A.206(21), A6.A.201(22) A6.A.207(18), A6.A.301(36), A6.A.302(18), A6.A.303(18)	115	NLNN:04 KTCN:04 KHTN:02 KHXH:02	Ngoại ngữ	196702A 196701B 196701A
10/01/2022	13h30	192045	Bóng bàn	2	Thực hành	1	1.SB1(9)	9	GDTC:02	GDTC	196902A
10/01/2022	13h30	125900	PPDH Tự nhiên & Xã hội	4	Viết	4	A5.A.104(28), A5.A.102(28), A5.A.106(27), A5.A.105(27)	110	KHXH:04 NLNN:04	KHXH	196900A
10/01/2022	13h30	124155	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến năm 1945	4	Viết	1	A5.A.202(23)	23	KHXH:01 KHTN:01	KHXH	196602CLC
10/01/2022	13h30	112073	PPDH Đại số và Giải tích	2	Viết	1	A5.A.204(21)	21	KHXH:01 KHTN:01	KHTN	196101A; 196101CLC
10/01/2022	13h30	131090	Văn hóa Anh - Mỹ	2	Viết	2	A6.A.201(20), A6.A.206(20), A6.A.306(17), A6.A.305(19),	76	NLNN:04 KHXH:02 KHTN:02	Ngoại ngữ	196701A 196C75A; 196701B
10/01/2022	13h30	145010	Dinh dưỡng trẻ em	2	Viết	3	A4.A.104(20), A4.A.102.1(26), A4.A.101(27)	73	NLNN:03 KTCN:03	GDMN	196901A
11/01/2022	13h30	146051	CT & TCHĐ chương trình GDMN	2	Viết	3	A4.A.103(19), A4.A.102.1(26), A4.A.101(26)	71	NLNN:03 KTCN:03	GDMN	196901A

Ngày thi	Thời gian thi	Mã HP	Tên HP	Số TC	HTT	SL P.thi	Phòng thi	Số lượng SV	PCCB Coi thi: SL	Đơn vị TC thi	Ghi chú
11/01/2022	13h30	113000	Quy hoạch tuyến tính	2	Viết	1	A5.A.101(21)	21	KHXH:01 KHTN:01	KHTN	196101A; 196101CLC
12/01/2022	07h30	147054	Kỹ năng làm đồ dùng DH và đồ chơi	3	Thực hành	3	A4.A.101(26), A4.A.103(26), A4.A.104(19)	71	GDMN:03 KTCN:03	GDMN	196901A
13/01/2022	07h30	145048	LL & PP cho trẻ làm quen TPVH	3	Vấn đáp	1	A4.A.101(27)	27	GDMN:02	GDMN	196901A
13/01/2022	13h30	145048	LL & PP cho trẻ làm quen TPVH	3	Vấn đáp	2	A4.A.102.1(27), A4.A.103(21)	48	GDMN:04	GDMN	196901A
14/01/2022	13h30	144105	Lý luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho TE	2	Viết	3	A4.A.103(19), A4.A.101(26), A4.A.102.1(26)	71	NLNN:03 KTCN:03	GDMN	196901A

Ghi chú:

- Sáng thi từ 7h30 chiều từ 13h30.
- Công tác đề thi, duyệt điều kiện thi, thanh tra, kiểm tra theo quy định hiện hành.
- CBCT tập trung chậm nhất 5 phút trước giờ thi tại Văn phòng Khoa nếu đơn vị tổ chức thi là Khoa hoặc Phòng A6.B.403 nếu đơn vị tổ chức thi là phòng ĐBCL&KT.
- Các đơn vị cử CBCT lập danh sách gửi về phòng ĐBCL&KT (qua đ/c Nguyễn Thế Lợi- E-mail: **Nguyenloi@hdu.edu.vn**) chậm nhất trước 2 ngày thi.

Nơi nhận:

- Các khoa Đào tạo;
- Phòng: Thanh tra Giáo dục, P.QLĐT, QTVT-TB;
- Lưu: P.ĐBCL&KT(Lịch thi: CQ-01).

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 10 năm 2021

TL. HIỆU TRƯỞNG

TP. ĐBCL&KT

Lê Thị Hạnh